

Bản án số: 227/2024/HNGĐ-
ST

Ngày: 19-8-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Trọng Hưng.

2. Bà Triệu Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 64/2024/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

* Bị đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 2004. Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Hoàng Văn M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị T qua tự nguyện tìm hiểu, đến năm 2022 tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh và chị T chung sống cùng bố mẹ đẻ của chị T tại thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Anh và chị T sống hạnh phúc đến

năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống và cách sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được nên anh đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Anh và chị T sống ly thân từ tháng 11 năm 2023 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Hà Thị T.

- Về con chung: Anh và chị Hà Thị T có 01 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 15/02/2023. Nay ly hôn anh M nhất trí để chị T nuôi dưỡng cháu B và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 800.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Minh xác n không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M giữ nguyên ý kiến trình bày về quan hệ hôn nhân, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị T; về con chung: Do chị T đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, nên anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 15/02/2023 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn; về tài sản chung và nợ chung: Anh M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi chị Hà Thị T đến để giải quyết việc anh Hoàng Văn M yêu cầu ly hôn nhưng chị T đều không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Văn M. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Đinh Thị H (mẹ đẻ của chị Hà Thị T) thì anh M và chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán cho anh M và chị T. Sau khi cưới thì anh M và chị T sống cùng gia đình bà H tại thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị T thì bà H không nắm được do anh M và chị T không nói cho gia đình biết. Đầu năm 2024, chị T đi làm công nhân ở Bắc Ninh, anh M cũng chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Chị T hiện đang đi làm ở tỉnh Bắc Ninh, địa chỉ cụ thể thì bà H không biết nên không thể cung cấp được cho Tòa án. Anh M làm đơn xin ly hôn thì chị T có nắm được, sau khi nhận được các văn bản của Tòa án gửi thì gia đình có thông báo cho chị T biết nhưng do chị T đi làm ăn xa không thể về để giải quyết vụ án ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, các

Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của anh Hoàng Văn M; cho anh Hoàng Văn M được ly hôn với chị Hà Thị T.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 15/02/2023 cho anh Hoàng Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hà Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Hoàng Văn M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Hoàng Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Anh Hoàng Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn với chị Hà Thị T; chị Hà Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, chị Hà Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đi làm ăn xa ngoài địa phương nhưng không thông báo địa chỉ nên hiện tại không rõ chị T đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình chị T đã thông báo cho chị T nhưng chị T không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn chị Hà Thị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, anh Hoàng Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh M, chị T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày

31/10/2022 tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và kết quả xác minh thấy rằng: Sau khi kết hôn anh M và chị T sống cùng gia đình bà Đinh Thị H tại thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T đi làm ăn xa ngoài địa phương nên vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, anh Hoàng Văn M đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang sinh sống từ đầu năm 2024 đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng anh M và chị T thực tế đã không tồn tại từ đầu năm 2024 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì tình trạng hôn nhân của anh M và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn M là xử cho anh M được ly hôn với chị Hà Thị T.

[2.2] Về con chung: Anh Hoàng Văn M và chị Hà Thị T có 01 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 15/02/2023. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn; cháu Hoàng Gia B còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của bố hoặc mẹ, tuy nhiên hiện chị Hà Thị T không có mặt tại địa phương, để bảo đảm cho sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ nên cần giao cháu Hoàng Gia B cho anh Hoàng Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình. Chị Hà Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hoàng Văn M xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Hoàng Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, chị Hà Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của anh Hoàng Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn M được ly hôn với chị Hà Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 15/02/2023 cho anh Hoàng Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hà Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Giấy thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001075861 ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Công ty Cổ phần T1 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001621 ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hoàng Văn M đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Hà Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Xuân Quang;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Huệ